

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 02 – 2021

“V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.

2. Ông Nguyễn Thanh Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Mạch Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2020/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số M, đường số T, phường N, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã VVA, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đồng Thị N (gọi tắt chị N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Bùi Văn C (gọi tắt là anh Cường) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm

2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã VV (nay là thị trấn VV), huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, nên anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, chị N yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị N khai có 01 con chung, cháu tên Bùi Đồng Ngọc H (giới tính nữ), sinh ngày 04/3/2003, hiện cháu H đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn C đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh C cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Bùi Văn C.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Bùi Văn C theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Đồng Thị N phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đồng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Bùi Văn C. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về

hôn nhân và gia đình – Ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn anh Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Đồng Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự trong vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị N, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004 chị N và anh C tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì các con chung sống chung với vợ chồng anh chị, nhưng từ khi vợ chồng anh chị không còn sống chung cho đến nay thì cháu H sống chung với chị N. Theo biên bản xác minh của Tòa án thì hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau và con chung đang sống chung với mẹ là chị N, tại bản tự khai cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với chị N. Ngoài ra cháu H là nữ giới nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu H, nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Bùi Đồng Ngọc H cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Bùi Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị N khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đồng Thị N đối với bị đơn anh Bùi Văn C. Cho nguyên đơn chị Đồng Thị N được ly hôn với bị đơn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Chị Đồng Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Đồng Ngọc H (giới tính nữ), sinh ngày 04/3/2003, hiện nay cháu H đang sống chung với chị N. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Bùi Văn C không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị N khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đồng Thị N phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0001952 phiếu lập ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND TT VV;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan